

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - HUẾ
THÀNH PHỐ HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **33/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 29/9/2025

Về việc: *Ly hôn, tranh chấp nuôi
con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HUẾ, THÀNH PHỐ HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thúy Liễu và ông Phan Đăng Rin.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Quốc Cường - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Huế tham gia phiên tòa:
Bà Trần Phước Bảo Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 46/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/9/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22/9/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thảo N, sinh năm 1986. Địa chỉ: Lô C khu Q, phường K, thành phố H. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Công B, sinh năm 1984. Địa chỉ: Lô C khu Q, phường K, thành phố H. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Võ Thảo N trình bày:

Về hôn nhân: Bà Võ Thảo N và ông Nguyễn Công B đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố H vào ngày 03/8/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại địa chỉ Lô C khu Q, phường K, thành phố H. C sống được một thời gian ngắn thì vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn và sống không hạnh phúc từ năm 2018, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và cãi nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính nhau, ông B không quan tâm đến cuộc sống gia đình, bất đồng quan điểm sống. Chỉ một vấn đề nhỏ xảy ra trong gia đình cũng khiến vợ chồng cãi nhau. Bà N đã nhiều lần tha thứ, hàn gắn, hòa giải với ông B nhưng không được. Do không thể chung sống được nữa nên từ tháng 4 năm 2023, vợ chồng sống ly thân với nhau cho đến nay. Hiện cuộc sống mỗi người tự lo liệu, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay bà N nhận thấy không còn tình cảm với ông B nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Công B để ổn định cuộc sống của mình.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà Võ Thảo N xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Công Nguyên K, sinh ngày 07/5/2017. Hiện cháu K đang ở với bà N nên bà N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà N không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Võ Thảo N trình bày vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông B cố tình không đến nên không có lời khai và không hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Võ Thảo N, xử cho bà N được ly hôn ông Nguyễn Công B.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Công Nguyên K, sinh ngày 07/5/2017 cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Nguyễn Công B không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Võ Thảo N xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

- Về án phí: Bà Võ Thảo N phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Công B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của đương sự, kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ, ý kiến của chính quyền địa phương và các tài liệu, chứng cứ khác, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Bà Võ Thảo N và ông Nguyễn Công B kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố H vào ngày 03/8/2016 nên là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp tính nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên gây gổ với nhau. Từ tháng 4 năm 2023 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay bà N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã quá trầm trọng nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B.

Quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Toà án tổng đạt hợp lệ nhưng ông B vẫn không đến Toà án làm việc. Điều này thể hiện ông B không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, từ bỏ hôn nhân. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân vợ chồng muốn hạnh phúc thì hai bên phải có tình cảm với nhau, phải chung sống, thương yêu và thông cảm cho nhau. Mâu thuẫn giữa bà Võ Thảo N và ông Nguyễn Công B đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N xin ly hôn với ông B là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Võ Thảo N.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Công Nguyên K, sinh ngày 07/5/2017. Bà N yêu cầu giao cháu K cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Xét thấy cháu K có nguyện vọng ở với bà N và hiện đang ở với mẹ, bà N đang có mức thu nhập mỗi tháng khoảng 20.000.000 đồng nên đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu K cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với nguyện vọng của cháu K và quy định của pháp luật, đảm bảo cho cháu K được phát triển bình thường. Ông Nguyễn Công B không cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Võ Thảo N xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà Võ Thảo N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thảo N, cho bà Võ Thảo N được ly hôn với ông Nguyễn Công B; quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà Võ Thảo N và ông Nguyễn Công B có 01 con chung là cháu Nguyễn Công Nguyên K, sinh ngày 07/5/2017. Giao cháu K cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Nguyễn Công B không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Công B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Võ Thảo N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà Võ Thảo N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí giải quyết ly hôn; được khấu trừ hết vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà bà N đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003851 ngày 30/7/2025 của Thi hành án dân sự thành phố H.

[5] Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 2 - Huế;
- Phòng THADS khu vực 2 - Huế;
- UBND phường Kim Long, thành phố Huế (ĐKKH số 71 ngày 03/8/2016);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Hằng